# Báo cáo tiến độ Chuyên Đề/Đồ án

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày 01:Tuần:Môn Học | Nhóm |
| Nội dung thực hiện đồ án | Báo cáo (Được và Chưa được của SV) *(Sinh viên chụp kết quả và paste vào đây)* |
| Complex Number |  |
| Matrix |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày 02:Tuần:Môn Học | Nhóm |
| Nội dung thực hiện đồ án | Phản hồi (Được và Chưa được của SV) *(Sinh viên chụp kết quả và paste vào đây)* |
| QLSV |  |
| Ngày 03:Tuần:Môn Học |  |
| Nội dung thực hiện đồ án | Phản hồi (Được và Chưa được của SV)*(Sinh viên chụp kết quả và paste vào đây)* |
| StudentListForm |  |
| UpdateDeleteStudentForm |  |
| Find by ID |  |
| Register |  |
| Ngày 03:Tuần:Môn Học |  |
| Nội dung thực hiện đồ án | Phản hồi (Được và Chưa được của SV)*(Sinh viên chụp kết quả và paste vào đây)* |
| Thực hành ADO.net | Bài 1:Bài 2:  Bài 3:  Bài 4:  Bài 5:  Bài 6:  Bài 7:  Bài 8: |
| Working with Azure | Tạo tài khoản thành công:  Tạo db:  Review:  Kết quả:  Go to resource:    Connection String:    * Server=tcp:21110635azure.database.windows.net,1433;Initial Catalog=21110635\_HocLtWin;Encrypt=True;TrustServerCertificate=False;Connection Timeout=30;Authentication="Active Directory Default";  Server name:    * 21110635azure.database.windows.net  Set server firewall:  Kết nối tới Visual Studio: |
| Làm với file | Yêu cầu 1:A    * Console.WriteLine("Creation time:" + dirInfo.CreationTime);: In ra màn hình thời điểm tạo thư mục (CreationTime). * Console.WriteLine("Last Write Time + dirInfo.LastWriteTime);: In ra màn hình thời điểm thư mục được sửa đổi lần cuối * Console.WriteLine("Directory Name: + dirInfo.FullName);: In ra màn hình tên đầy đủ của thư mục (FullName). * DirectoryInfo[] childDirs = dirInfo.GetDirectories();: Lấy một mảng các thư mục con trong thư mục hiện tại. * FileInfo[] childFiles = dirInfo.GetFiles();: Lấy một mảng các tệp tin (file) trong thư mục hiện tại. * foreach (DirectoryInfo childDir in childDirs) { Console.WriteLine(" - Directory:" + childDir.FullName); }: Duyệt qua mảng thư mục con và in ra màn hình tên đầy đủ của mỗi thư mục con. * foreach (FileInfo childFile in childFiles) { Console.WriteLine(" - File:" + childFile.FullName); }: Duyệt qua mảng các tệp tin và in ra màn hình tên đầy đủ của mỗi tệp tin.  B    * bool exist = Directory.Exists(dirPath);: Kiểm tra xem thư mục có tồn tại không bằng cách sử dụng phương thức Directory.Exists. Kết quả của kiểm tra được lưu vào biến exist. * if (!exist) { ... }: Nếu thư mục không tồn tại (biến exist là false), thì thực hiện các bước bên trong khối lệnh này. * Console.WriteLine(dirPath + " does not exist.");: In ra màn hình thông báo rằng thư mục không tồn tại. * Console.WriteLine("Create directory:" + dirPath);: In ra màn hình thông báo rằng đang tạo thư mục. * Directory.CreateDirectory(dirPath);: Tạo thư mục mới bằng cách sử dụng phương thức Directory.CreateDirectory. * Console.WriteLine("Directory Information" + dirPath);: In ra màn hình thông báo "Directory Information" cùng với đường dẫn thư mục (dirPath). * Console.WriteLine("Creation time:" + Directory.GetCreationTime(dirPath));: In ra màn hình thời điểm tạo thư mục. * Console.WriteLine("Last Write Time:" + Directory.GetLastWriteTime(dirPath));: In ra màn hình thời điểm cuối cùng thư mục có sự thay đổi. * DirectoryInfo parentInfo = Directory.GetParent(dirPath);: Lấy thông tin về thư mục cha (parent directory) của thư mục hiện tại. * Console.WriteLine("Parent directory:" + parentInfo.FullName);: In ra màn hình đường dẫn đầy đủ của thư mục cha.  C    * DriveInfo[] drives = DriveInfo.GetDrives();: Lấy danh sách các ổ đĩa có sẵn trong hệ thống bằng cách sử dụng phương thức DriveInfo.GetDrives(). Kết quả trả về là một mảng các đối tượng DriveInfo đại diện cho mỗi ổ đĩa. * foreach (DriveInfo drive in drives) { ... }: Duyệt qua từng đối tượng DriveInfo trong mảng và thực hiện các bước bên trong khối lệnh này cho mỗi ổ đĩa. * Console.WriteLine("Drive {0}", drive.Name);: In ra màn hình tên của ổ đĩa (ví dụ: "C", "D", ...). * Console.WriteLine(" Drive type: {0}", drive.DriveType);: In ra màn hình loại của ổ đĩa (ví dụ: Removable, Fixed, CD-ROM, ...). * if (drive.IsReady) { ... }: Kiểm tra xem ổ đĩa có sẵn sàng để sử dụng không. * Console.WriteLine(" Volume label: {0}", drive.VolumeLabel);: In ra màn hình nhãn của ổ đĩa. * Console.WriteLine(" File system: {0}", drive.DriveFormat);: In ra màn hình định dạng hệ thống tệp trên ổ đĩa (ví dụ: NTFS, FAT32, ...). * Console.WriteLine("Available space to current user: {0, 15} bytes ", drive.AvailableFreeSpace);: In ra màn hình dung lượng không gian trống có sẵn cho người dùng hiện tại trên ổ đĩa. * Console.WriteLine("Total available space: {0, 15} bytes", drive.TotalFreeSpace);: In ra màn hình tổng dung lượng trống có sẵn trên ổ đĩa. * Console.WriteLine("Total size of drive: {0, 15} bytes ", drive.TotalSize);: In ra màn hình tổng dung lượng của ổ đĩa.  D    * FileInfo testFile = new FileInfo(@"D:\Winform\Winform\W3\test\test.txt");: Tạo một đối tượng FileInfo đại diện cho tệp tin có đường dẫn là "D:\Winform\Winform\W3\test\test.txt". * if (testFile.Exists) { ... }: Kiểm tra xem tệp tin tồn tại hay không. * Console.WriteLine(testFile.FullName + " exist.");: Nếu tệp tin tồn tại, in ra màn hình đường dẫn đầy đủ của tệp tin và thông báo rằng tệp tin tồn tại. * Console.WriteLine("Creation time: " + testFile.CreationTime);: In ra màn hình thời điểm tạo tệp tin. * Console.WriteLine("Last Write Time: " + testFile.LastWriteTime);: In ra màn hình thời điểm tệp tin được sửa đổi lần cuối. * Console.WriteLine("Directory Name: " + testFile.DirectoryName);: In ra màn hình tên thư mục chứa tệp tin. * Trong trường hợp tệp tin không tồn tại (else), sẽ in ra thông báo cho biết tệp tin không tồn tại.  E    * Tồn tại file test.txt        * File test.txt đã bị xoá bỏ  F    * In ra màn hình đường dẫn của thư mục con.  G    * Có file test.txt      * Đưa file tới đường dẫn và đổi tên thành: D:/Winform/Winform/W3/test2.txt    H    * File test.txt        * Đổi vị trí lưu và đổi tên file test.txt thành test2.txt  I      * Đổi tên thư mục test thành test2  Yêu cầu 2:    Yêu cầu 3:A    * Đọc dữ liệu có trong file txt  B    * Đọc các dòng trong file txt  C        * Ghi dữ liệu lên file txt  D      * Ghi dữ liệu lên file txt |